

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 01-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

3- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 661/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 406/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 487/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1957; ĐKNKTT: Số 13/371 T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 108 Lô 8 K7, chung cư H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tất Q, sinh năm 1954; ĐKNKTT: Số 13/371 T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Tầng 2 số 44/84 Phạm Tử N, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 03/12/2019 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày: Bà kết hôn với ông Nguyễn Tất Q từ năm 1978, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường. Đến năm 1992 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do ông Q mắc nhiều thói hư tật xấu, thường xuyên rượu chè say xỉn, cờ bạc làm phá tán tài sản gia đình, sống thiếu trách nhiệm với vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau, làm mất trật tự trị an xóm phố. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên hai bên đã sống ly thân nhau từ đó đến nay (gần 30 năm) hiện tại mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như về kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông Nguyễn Tất Q.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Thị K, sinh năm 1978; Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1982; Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh 1991 (hiện đều đã đến tuổi trưởng thành) nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Hai bên không có tài sản gì chung nên bà L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Tất Q vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, song ông Q không đến Tòa án theo giấy triệu tập; thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Tất Q cũng như những quan điểm về con chung và tài sản chung đã trình bày ở trên.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự; bị đơn đã không chấp hành các quy định về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Bùi Thị L được ly hôn ông Nguyễn Tất Q; về con chung: Bà L và ông Q có 04 con chung là Nguyễn Thị K, sinh năm 1978; Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1982; Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh 1991 (hiện đều đã đến tuổi trưởng thành) nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết; về chia tài sản: Hai bên không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về tố tụng: Theo Đơn khởi kiện xin ly hôn thể hiện ông Nguyễn Tất Q có ĐKNKTT tại: Số 13/371 T, phường N, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Tầng 2 số 44/84 Phạm Tử N, phường N, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Tất Q thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Tất Q vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, cho thấy ông Q đã tự từ bỏ Q cũng như nghĩa vụ của mình trước pháp luật. Bởi vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Tất Q.

[3] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1957 và ông Nguyễn Tất Q, sinh năm 1954 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ngày 25 tháng 01 năm 1978. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Q là hợp pháp.

[4] Quá trình vợ chồng chung sống ngay từ thời gian đầu đã không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm và không có khả năng đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù ông Q có mặt tại địa phương, biết việc bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn và Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án thông qua những lần nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Q đã từ chối nhận các văn bản của Tòa, không đến Tòa án để giải quyết. Điều đó chứng tỏ ông Q thiếu thiện chí trong việc hòa giải, bỏ mặc tình trạng hôn nhân ngày càng xấu đi. Mặt khác qua điều tra xác minh thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông Q đã trầm trọng, hai bên đã sống ly nhau gần 30 năm (từ năm 1992 đến nay) mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai và đều đã có cuộc sống riêng. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Q trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của bà L xin được ly hôn với ông Q là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế, phù hợp với qui định tại các điều 51, 56 Luật Hôn và nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Bà L và ông Q có 04 con chung là Nguyễn Thị K, sinh năm 1978; Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1982; Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh 1991 (hiện đều đã đến tuổi trưởng thành) nên không yêu cầu tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về chia tài sản: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc chia tài sản giữa hai bên.

[7] Về án phí: Bà Bùi Thị L là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Tất Q.
- Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Bùi Thị L. Trả lại bà Bùi Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0013651 ngày 13 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
- Về Q kháng cáo: Bà Bùi Thị L có Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Tất Q có Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân (để thi hành);
- UBND quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (ngày ĐKKH 25/01/1978);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Phong Lan